

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**                      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 592/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/12/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Từ Thị Minh Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Phú Nhuận
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:***  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 524/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2020; về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Ngọc Mai T, sinh năm 1986  
Địa chỉ: 66/11 đường A, Phường B, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Địa chỉ liên hệ: 15K/16 đường E, Phường F, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Ông Võ Nam C, sinh năm 1985  
Địa chỉ hộ khẩu: xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.  
Nơi ở hiện nay: Trại Giam Chí Hòa, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn - bà Trương Ngọc Mai T trình bày: Bà và ông Võ Nam C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 59 do Ủy ban nhân dân phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/5/2011.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vào ngày 02/12/2015 đến nay chồng bà bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và hiện nay tạm giam tại trại giam Chí Hòa vì vậy bà yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Minh H, sinh ngày 07/5/2011. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

\*Bị đơn- ông Võ Nam C tại bản tự khai trình bày: Ông đồng ý ly hôn với bà T vì ông phải thi hành án tù 20 năm nên ông không thể xây dựng hạnh phúc gia đình với vợ con được. Ông đề nghị Tòa án không cần hòa giải.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Minh H, sinh ngày 07/5/2011; ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 59 do Ủy ban nhân dân phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/5/2011 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay bà yêu cầu ly hôn là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – ông C hiện đang cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bà T và ông C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông C.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai bà T và ông C xác định : Ông C và bà T đã ly thân không còn chung sống với nhau từ ngày 02/12/2015 đến nay và hiện nay ông C phải thi hành án tù giam 20 năm theo bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông C cũng đồng ý ly hôn với bà T.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông C trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống đã lâu, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy yêu cầu ly hôn của bà T đã thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình do đó cho bà T ly hôn với ông C.

Đối với yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung:

Xét trẻ Võ Minh H, sinh ngày 07/5/2011 đang sinh sống với mẹ và hiện nay ông C phải thi hành án tù giam 20 năm không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, đồng thời ông C cũng đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con; do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông C khai không có, không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 117, 118 và khoản 1 Điều 116, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Ngọc Mai T.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Trương Ngọc Mai T được ly hôn ông Võ Nam C.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Minh H, sinh ngày 07/5/2011 cho bà Trương Ngọc Mai T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Võ Nam C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng

việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con vì vậy Tòa án không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông C khai không có, không xem xét.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình:

Bà Trương Ngọc Mai T chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0049699 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về thời hạn kháng cáo: Bà Trương Ngọc Mai T và ông Võ Nam C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Từ Thị Minh Tú**